

**HTÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PLEIKU
TỈNH GIA LAI**

Bản án số: 93/2020/HSST
Ngày 13-8-2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đình Nguyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Bá Lý

2. Bà Cao Thị Thu Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Thái Bình - Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 8 năm 2020, tại: Trụ sở Tòa án Nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 99/2020/HSST ngày 24 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 115/2020/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Quang T (Tên gọi khác: Không), sinh năm 1987 tại: Kon Tum. Nơi đăng ký HKTT: Thôn 4, xã H, thành phố K, tỉnh Kon Tum; chỗ ở trước khi bị bắt: Số 68/89 đường H, làng K, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Thợ cửa sắt; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Quang E, sinh năm 1954 (đã chết) và bà: Nguyễn Thị L, sinh năm 1957; có vợ là Nguyễn Thị Thủy T1, sinh năm 1991 và 02 (hai) người con (sinh năm 2013 và 2019).

Tiền sự: Không.

Tiền án: Không.

Nhân thân:

- Bản án số 45/2007/HSST ngày 18-7-2007 của Tòa án nhân dân thị xã Kon Tum, tỉnh Kon Tum, xử phạt Nguyễn Quang T 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 12 (mười hai) tháng tù về tội “Hủy hoại tài sản”.

- Bản án số 30/2012/HSST ngày 22-3-2012 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, xử phạt Nguyễn Quang T 07 (bảy) năm tù về tội “Cướp tài sản”.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 08-01-2020, đến ngày 17-11-2020 bị áp dụng biện pháp tạm giam cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Pleiku, tỉnh Gia

Lai. Có mặt

2.1. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Bà Lâm Thị Ngọc Ph, sinh năm 1960; địa chỉ: 68/89 đường H, làng K, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

2.2. Người chứng kiến:

Ông L1, sinh năm 1975; địa chỉ: Làng K, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Quang T là người sử dụng chất ma túy. Vào khoảng 18 giờ ngày 07-01-2020, Khi bị cáo T đang ở tại phòng trọ số 8 thuộc số nhà 68/89 đường Hàn Mạc Tử, làng Khun, phường Trà Bá, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai thì có Phúc tới chơi và rủ Bị cáo T góp 200.000đồng để Phúc đi mua ma túy về sử dụng chung. Bị cáo T đưa cho Phúc 50.000 đồng và nói Phúc cho Bị cáo T nợ lại 150.000 đồng. Đến khoảng 08 giờ ngày 08-01-2020, Phúc đến phòng trọ của Bị cáo T và mang theo 01 gói ni lon bên trong có chứa ma túy đá. Bị cáo T và Phúc lấy một ít ra sử dụng chung, số ma túy còn lại thì Phúc chia ra đựng vào 02 gói nilon và 01 đoạn ống hút rồi đưa cho Bị cáo T cất giấu, với mục đích để sử dụng dần. Bị cáo T cất giấu 01 gói nilon và 01 đoạn ống nhựa dưới bàn uống nước và cất giấu 01 gói nilon ở góc tường gần cửa ra vào tại phòng trọ. Sau đó, Phúc bỏ đi đâu không rõ. Đến 11 giờ cùng ngày, lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về Ma túy - Công an thành phố Pleiku phối hợp với Công an phường T tiến hành kiểm tra hành chính thì phát hiện, bắt quả tang Nguyễn Quang T và thu giữ toàn bộ số ma túy và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Asus màu xanh cùng sim số, mặt sau sim có dãy số 8984.04800.00608.76429.

Tại Kết luận giám định số 161/KLGĐ ngày 16-01-2020, của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai, kết luận: “*Chất màu trắng, dạng tinh thể trong 01 gói nilon và 01 đoạn ống hút nhựa, trong bì thư niêm phong, ghi (01) gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, tổng khối lượng 0,3039 gam. Chất màu trắng, dạng tinh thể trong 01 gói nilon trong bì thư niêm phong, ghi (02) gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,2705 gam*”.

Trong quá điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Quang T đã khai nhận:

Bị cáo Nguyễn Quang T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Bị cáo không xác định được nhân thân, lai lịch của của đối tượng tên Phúc là người rủ sử dụng ma túy và trực tiếp đi mua ma túy về để Bị cáo T và Phúc

cùng sử dụng. Bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về: **Biên bản phạm tội quả tang và Biên bản niêm phong cùng lập ngày 08-01-2020**; Kết luận giám định số: 161/KLGD ngày 16-01-2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Gia Lai.

Trong quá điều tra, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bà Lâm Thị Ngọc Phượng trình bày:

Bà Ph cho anh Nguyễn Quang T thuê phòng trọ số 8 thuộc số nhà 68/89 đường H, làng K, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai từ tháng 10 năm 2019. Đối với sự việc Bị cáo T tàng trữ và sử dụng túy tại nhà trọ thì bà Ph không biết.

Trong quá điều tra, người chứng kiến là ông L1 trình bày:

Ông L1 là người được mời chứng kiến về việc lập Biên bản bắt người phạm tội quả tang và chứng kiến việc niêm phong chất nghi là ma túy thu giữ của Nguyễn Quang T. Ông L1 thấy cơ quan Công an đã thu giữ của Bị cáo T 03 (ba) gói chứa chất màu trắng, dạng tinh thể. Ông L1 nghe Bị cáo T khai là ma túy đá.

Bản cáo trạng số: 103/CT-VKS ngày 23-6-2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku quyết định truy tố ra trước Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai để xét xử đối với bị cáo Nguyễn Quang T, về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Quang T và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Quang T mức án từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ là ngày 08-01-2020; hình phạt bổ sung: Không.

- Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy được niêm phong trong 02 (hai) bì công văn được niêm phong dán kín ghi số: 161/PC09 ngày 16-01-2020, có dấu niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Quang T 01 (một) điện thoại di động hiệu Asus màu xanh kèm sim số.

Bị cáo Nguyễn Quang T tự bào chữa:

Bị cáo không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

Bị cáo Nguyễn Quang T nói lời nói sau cùng:

Bị cáo Thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, thấy hối hận và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Pleiku, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người chứng kiến không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Quang T tại phiên tòa là phù hợp với các lời khai của bị cáo có tại hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và lời khai của người chứng kiến; phù hợp với các tài liệu: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, Kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có tại hồ sơ vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ khẳng định bị cáo Nguyễn Quang T đã thực hiện hành vi như sau:

Vào khoảng 11 giờ ngày 08-01-2020, Nguyễn Quang T đang ở tại phòng trọ số 8 thuộc số nhà 68/89 đường H, làng K, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai thì bị lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về Ma túy - Công an thành phố Pleiku phối hợp với Công an phường T tiến hành kiểm tra hành chính thì phát hiện, bắt quả tang Nguyễn Quang T đang tàng trữ 0,5744gam chất ma túy loại Methamphetamine đựng trong 02 gói nilon và 01 đoạn ống hút.

Bị cáo Nguyễn Quang T hoàn toàn nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Nhưng chỉ vì muốn thỏa mãn cơn nghiện của mình, bị cáo đã cố ý mua ma túy nêu trên để sử dụng. Hành vi của bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ độc quyền quản lý chất ma túy của Nhà nước. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định hành vi của bị cáo Nguyễn Quang T đã phạm vào tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku truy tố bị cáo Nguyễn Quang T là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo đã bị kết án và các bản án xét xử đối với vị cáo thuộc trường hợp đương nhiên được xóa án tích theo quy định tại khoản 2 Điều 70 Bộ luật hình sự. Vì vậy, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy:

Bị cáo Nguyễn Quang T có nhân thân xấu, đã bị xét xử hai lần với hình phạt 21 (Hai mươi một) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Hủy hoại tài sản”,

hình phạt 07 (bảy) năm tù về tội “Cướp tài sản”. Tuy nhiên, bị cáo không xem đó là bài học để cải tạo bản thân mà tiếp tục phạm tội. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy hình phạt áp dụng đối với bị cáo Tại các bản án trước đây không có tác dụng răn đe, giáo dục đối với bị cáo. Mặt khác, loại ma túy mà bị cáo Tàng trữ là loại Methamphetamine (Ma túy đá) là loại ma túy gây ra nhiều ảo giác, dẫn đến loạn hành vi và ảnh hưởng tới sức khỏe người dùng, đồng thời là nguyên nhân phát sinh của nhiều tội phạm. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần phải áp dụng mức hình phạt tù nghiêm khắc để cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung:

Bị cáo không có tài sản; phạm tội không nhằm mục đích thu lợi bất chính. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với chất ma túy còn lại sau giám định có khối lượng 0,3039 gam và 0,2705 gam” được để trong 02 (hai) bì công văn được niêm phong dán kín ghi số: 161/PC09 ngày 16-01-2020 có dấu niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Gia Lai là vật thuộc loại nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Asus màu xanh kèm sim số thu giữ của bị cáo Bị cáo T. Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định bị cáo không sử dụng chiếc điện thoại này để liên lạc mua bán ma túy nên cần trả lại cho bị cáo Tài sản này.

[8] Bị cáo Bị cáo T không xác định được nhân thân, lai lịch của đối tượng tên Phúc mà bị cáo khai là người khởi xướng và trực tiếp đi mua ma túy về để Bị cáo T và Phúc cùng sử dụng. Ngoài lời khai của bị cáo, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Pleiku không thu thập được chứng cứ để chứng minh điều này. Tại phiên tòa, bị cáo cũng không cung cấp thêm được chứng cứ gì khác về nhân thân lai lịch của đối tượng tên Phúc. Vì vậy, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Pleiku không điều tra, xử lý đối với đối tượng tên Phúc là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Đối với Bà Lâm Thị Ngọc Ph không biết việc Bị cáo T mua ma túy và sử dụng. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Pleiku không xử lý đối với bà Ph là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[9] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Quang T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Quang T phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang T 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ là ngày 08-01-2020.

2. Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Tịch thu tiêu hủy toàn bộ ma túy loại Mthamphetamine đựng trong 02 (hai) bì công văn được niêm phong dán kín ghi số: 161/PC09 ngày 16-01-2020 có dấu niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Gia Lai.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Quang T 01 (một) điện thoại di động hiệu Asus màu xanh kèm sim số.

(Theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 08-7-2020 giữa: Công an thành phố Pleiku và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku)

3. Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Nguyễn Quang T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tp Pleiku;
- Công an tp. Pleiku;
- Chi cục THADS tp Pleiku;
- Bị cáo, Người bào chữa (nếu có);
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Vũ Đình Nguyên

